

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 11/6/2026

*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thuý, bà Mai Thị Lượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lò Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2026/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2026 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2026/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Giàng Thị P - sinh năm 2004. Căn cước công dân số: 011304002817, cấp ngày 09/02/2023, nơi cấp Cục C về trật tự xã hội; Nơi đăng ký thường trú: Thôn N, xã S, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú hiện nay: Thôn C, xã S, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị Thúy A - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp Nhà nước tỉnh Đ. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Mùa A S - sinh năm 2004. Căn cước công dân số: 011204003213, cấp ngày 28/4/2021, nơi cấp Cục C về trật tự xã hội; Nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Thôn N, xã S, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Hà Thị T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp Nhà nước tỉnh Đ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Giàng Thị P trình bày.

Nguyên đơn và bị đơn Mùa A S tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2021, đến ngày 13/02/2025 hai người đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là UBND xã S, tỉnh Điện Biên).

Sau khi kết hôn, hai người phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, bị đơn thường xuyên ghen tuông vô cớ dẫn đến nhiều lần cãi nhau, bị đơn còn có hành vi đánh, xúc phạm danh dự nhân phẩm nguyên đơn. Nguyên đơn đã nhẫn nhịn, khuyên giải nhưng bị đơn không thay đổi. Đến tháng 01/2026 nguyên đơn đã chuyển về sinh sống cùng bố, mẹ đẻ tại thôn C, xã S, tỉnh Điện Biên và hai người sống ly thân từ đó đến nay. Nguyên đơn thấy không còn tình cảm, không thể chung sống với bị đơn được nữa, do đó nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Mùa A S.

Về con chung: Hai người có 02 con chung là Mùa Thị Ngọc N - sinh ngày 18/01/2022, Mùa Thị H - sinh ngày 10/11/2023. Tại phiên tòa nguyên đơn đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Mùa Thị H đến khi thành niên và có khả năng lao động; Giáo cháu Mùa Thị Ngọc N cho bị đơn trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn nhất trí với ý kiến nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, thời gian sống ly thân, hai người có đăng ký kết hôn, về con chung; nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do nguyên đơn đi chơi ngủ lại qua đêm với bạn, nhiều lần bị đơn gọi điện thoại nhưng nguyên đơn không nghe, do không kìm chế được bản thân nên đã tát hai phát vào mặt nguyên đơn; về hôn nhân bị đơn đồng ý ly hôn, về con chung bị đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung đến khi thành niên và có khả năng lao động. Bị đơn không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn giữ nguyên ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về thẩm quyền, trình tự tố tụng: Đảm bảo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình, đề nghị giao cháu Mùa Thị H cho nguyên đơn trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Giao cháu Mùa Thị Ngọc N cho bị đơn trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ các bên không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Tại Luận cứ bảo vệ của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 84

của Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về hôn nhân chị Giàng Thị P được ly hôn với anh Mùa A S; Về con chung, đề nghị giao Mùa Thị H cho nguyên đơn trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng; giao Mùa Thị Ngọc N cho bị đơn trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ không đề nghị giải quyết. Đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Giàng Thị P được ly hôn với anh Mùa A S; Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử xem xét điều kiện thực tế của các bên để giải quyết theo quy định của pháp luật; Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ không đề nghị giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến của những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Giàng Thị P xác định là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại các Điều 51, 56, 58 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về thẩm quyền giải quyết: Thời điểm nguyên đơn nộp đơn xin ly hôn thì bị đơn có nơi cư trú tại thôn N, xã S, tỉnh Điện Biên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa mở ngày 02/6/2026 Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa theo khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự do bị đơn vắng mặt không có lý do.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi luận cứ bảo vệ cho Hội đồng xét xử, nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp. Xét thấy sự vắng mặt không ảnh hưởng đến vụ án, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn và bị đơn kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thủ tục đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Giàng Thị P và anh Mùa A S là hợp pháp.

Về nguyên nhân xin ly hôn xuất phát từ việc hai người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, bị đơn đánh nguyên đơn, hai người đã sống ly thân từ tháng 01/2026 đến nay, mỗi người sống một nơi không quan tâm, chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng giữa hai người đến nay không còn, do đó xác định quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó Hội

đồng xét xử thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận cho ly hôn.

[3] Về nuôi con chung: Các bên không thống nhất được việc nuôi con chung. chị P có nguyện vọng nuôi con Mùa Thị H, anh S có nguyện vọng nuôi hai con chung. Hội đồng xét xử thấy hai bên đều có thu nhập ổn định từ lao động sản xuất nông nghiệp, làm thuê theo thời vụ 7.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình thấy rằng cháu Mùa Thị H - sinh ngày 10/11/2023, tính đến ngày xét xử cháu H chưa đủ 36 tháng tuổi. Đối với cháu Mùa Thị Ngọc N từ khi chị P chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống đến nay, cháu vẫn đang được anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy việc giao mỗi bên trực tiếp, nuôi dưỡng một người con sẽ bảo đảm quyền và nghĩa vụ thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật không ai được cản trở nhằm duy trì tình cảm gắn bó giữa con với cha mẹ. Do đó, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, sự phát triển toàn diện của các cháu cũng như phù hợp với điều kiện thực tế của các bên cần giao cháu Mùa Thị H cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Mùa Thị Ngọc N cho anh S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con các bên không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ: Các bên không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nên cần miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho đương sự về việc giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Giàng Thị P được ly hôn với anh Mùa A S.

2. Về chăm sóc, nuôi dưỡng con chung:

- Giao Mùa Thị H - sinh ngày 10/11/2023 cho chị Giàng Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động.

- Giao Mùa Thị Ngọc N - sinh ngày 18/01/2022 cho anh Mùa A S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của các con được sống chung với người trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

4. Về kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11/6/2026).

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 3 - Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- THADS tỉnh Đ;
- UBND xã S, tỉnh Điện Biên;
- Các đương sự; Người BVQLIHP;
- Lưu: HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tòng Thị Lan